

Số: 431/2017/QĐST-HNGĐ

Pleiku, ngày 16 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 568/2015/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2015 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Bà M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường D, phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có Thông báo chấm dứt việc tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ngày 08/8/2017.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Không có yêu cầu khởi kiện tại văn bản ngày 7/6/2017.

2. Ông D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Không có yêu cầu khởi kiện tại văn bản ngày 7/6/2017.

3. Ông L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Không có yêu cầu khởi kiện tại văn bản ngày 7/6/2017.

4. Bà S, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Không có yêu cầu khởi kiện tại văn bản ngày 7/6/2017.

5. Chị M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Không có yêu cầu khởi kiện tại văn bản ngày 7/6/2017.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông N và bà M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung, N, sinh ngày 07/4/1999; H, sinh ngày 27/8/2004.

Hai bên thống nhất: Cháu N đã thành niên (đủ 18 tuổi) nhưng hiện nay cháu N đang đi học, chưa tự lập được cuộc sống nên ông N phải chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu N đến khi cháu N tự lập được cuộc sống, có tài sản để tự nuôi mình (từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì ông N là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N). Giao cháu H cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung gồm:

Về đất:

* **Lô thứ nhất:** Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tờ bản đồ 106; thửa đất 136; diện tích 4745.3m², có tứ cận:

Phía Đông giáp đường đi có chiều dài 32.48m.

Phía Tây giáp đường đi có chiều dài 31.05m.

Phía Nam giáp đất ông T có chiều dài 149.84m.

Phía Bắc giáp đường hẻm 125 đường T có chiều dài 149.84m.

Lô đất có giá là 470.000.000 đ.

- Về tài sản trên đất: Có giá là 573.210.400 đ.

+ Trên đất hiện đang tồn tại một căn nhà 01 tầng có kết cấu: móng đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền gạch đá, cửa chính cửa sổ là cửa gỗ, có sân nô mặt trước, hệ thống điện nước sử dụng được có tổng diện tích 141m²

Sân nô mặt trước (trần bê tông cốt thép)

Mái hiên khung gỗ có diện tích 14m²

Trần đóng gỗ gáo có diện tích: 112m² (gỗ nhóm IV)

+ Trên đất có 01 nhà tạm nền xi măng, tường xây gạch tô trát xi măng, mái lợp tôn fipro xi măng, có diện tích: 40.9m²

+ 01 nhà tắm độc lập tường xây gạch, ốp lát gạch men có diện tích 13,3m²

+ 01 Giếng nước đường kính 1 m, sâu 24 m

+ 01 tường rào xây gạch tô có tô trét và không vét vôi có diện tích 9 m²

+ Sân bê tông đá 1 x 2 dày 5 cm, diện tích: 354m²

+ 350 cây cà phê Robusta, trong đó:

Có 210 cây trồng năm 1996

Có 70 cây trồng năm 2016

Có 35 cây trồng năm 2017

Có 35 cây trồng năm 2001

+ 03 cây sầu riêng trồng năm 1995

+ 01 cây chôm chôm trồng năm 2011

Tổng giá trị tài sản lô đất và tài sản trên đất: **1.043.210.400 đ.**

* **Lô thứ hai:** Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tờ bản đồ 105; thửa đất số 05 ; Diện tích 8002.5m², có tứ cận:

Phía Đông giáp đường đi có chiều dài 128.32m.

Phía Tây giáp lô đất của ông T có chiều dài 128.41m.

Phía Nam giáp đường đi có chiều dài 60.48m.

Phía Bắc giáp đường hẻm 125 đường T có chiều dài 64.28m.

Lô đất có giá trị là: 800.000.000 đ.

- Về tài sản trên đất: Có giá trị là 306.737.700 đ.

+ 01 Giếng nước đường kính 1 m, sâu 24m

+ 645 cây cà phê Robusta , trong đó:

300 cây trồng năm 1995

20 cây trồng năm 1996

20 cây trồng năm 1998

180 cây trồng năm 2004

35 cây trồng năm 2009

40 cây trồng năm 2016

50 cây trồng năm 2017

+ 330 trụ bê tông

+ 290 cây tiêu, trong đó:

80 cây trồng năm 2014

210 cây trồng năm 2015

+ 27 cây trác trồng năm 2016

+ 03 cây huỳnh đàn trồng năm 2016

+ 07 cây huỳnh đàn trồng năm 2014

+ 04 cây bời lời trồng năm 2004 đã khai thác

+ 05 cây sầu riêng trồng năm 1995

Tổng giá trị tài sản lô đất và tài sản trên đất: **1.106.737.700 đồng**.

* **Lô thứ ba:** Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tờ bản đồ 105; thửa đất số 10; Diện tích 8107.9m², có tứ cận:

Phía Đông giáp lô đất của ông D có chiều dài 130.45m.

Phía Tây giáp lô đất của ông T có chiều dài 132.6m.

Phía Nam giáp đường đi có chiều dài 61.53m.

Phía Bắc giáp hẻm 125 đường T có chiều dài 61.84m

Lô đất có giá trị 800.000.000 đ.

- Về tài sản trên đất: Có giá trị là 276.364.000 đ.

+ 01 Giếng nước đường kính 1 m, sâu 24m

+ 800 cây cà phê Robusta, trong đó:

180 cây trồng năm 1998

313 cây trồng năm 2004

97 cây trồng năm 2009

100 cây trồng năm 2015

70 cây trồng năm 2016

40 cây trồng năm 2017

+ 25 cây bời lời trồng năm 2004 đã khai thác

+ 20 cây huỳnh đàn trồng năm 2016

+ 01 cây sầu riêng trồng năm 1995

Tổng giá trị tài sản lô đất và tài sản trên đất: **1.076.364.000 đồng**

***Về tài sản khác:**

- 01 xe honda SH mode, mang tên bà M mua năm 2014, biển số 81B1-43857 có giá: 35.000.000 đồng.

- 01 xe honda Warm, mang tên ông N, mua năm 2005, biển số 81H6 7026 có giá 1.800.000 đồng.

- 01 máy giặt hiệu panasonis mua năm 2012 có giá 2.000.000 đồng.

- 01 máy nóng lạnh năng lượng mặt trời có giá 2.500.000 đồng.

- 01 tủ quần áo, loại gỗ: Cam xe: 1,1m x 0,5m = 0,55m² có giá 3.500.000 đồng.

- 01 tủ thờ, loại gỗ: Cam xe : 0,6m x 1,6m = 0,96m² có giá 6.000.000 đồng.

- 03 bộ sập gỗ có kích thước:

+ Bộ thứ nhất: 3,1m x 1,6m = 4,96m². Loại gỗ: sao xanh, có độ dày 10cm, gồm 2 tấm có giá: 15.000.000 đồng.

+ Bộ thứ hai: 2,36m x 1,75m = 4,13m². Loại gỗ: gáo vàng, có độ dày 06cm, gồm 3 tấm có giá: 10.000.000 đồng

+ Bộ thứ ba: 3,15m x 1,6m = 5,04m². Loại gỗ: sao xanh, có độ dày 08cm, gồm 2 tấm có giá 15.000.000 đồng.

- 01 máy xay cà phê thủ công mua năm 2009 có giá 2.000.000 đồng.

- 02 máy bơm nước: 1 máy hiệu aplo mua năm 2007; 1 máy hiệu Hải Phòng mua năm 2012, 02 máy bơm có giá 1.500.000 đồng.

- 01 máy ba pha tưới cây cà phê hiệu HD mua năm 2007, ồng phi 50 có giá: 1.500.000 đồng.
- 07бет tưới cà phê mua năm 2014 có giá: 700.000 đồng.
- Tổng giá trị tài sản này là: **96.500.000 đồng**.

* Tổng giá trị tài sản 03 lô đất, tài sản trên 03 đất và tài sản khác là: **3.322.812.100 đồng (Ba tỷ ba trăm hai mươi hai triệu tám trăm mười hai ngàn một trăm đồng)**

*** Về nợ chung:**

- Nợ ông Nguyễn Bá Lưu, bà Nguyễn Thị Sen (bố mẹ bà Minh) tổng số tiền là 276.000.000 đ.

- Nợ chị Nguyễn Thị Mai 20.000.000đ.

*** Bà M và ông N thống nhất chia tài sản chung và nợ chung như sau:**
Do 03 lô đất là tài sản chung nhưng có trước thời kỳ hôn nhân nên tính công sức đóng góp của ông N nhiều hơn.

*** Bà M được nhận những tài sản sau:**

- Về đất:

+ **Lô thứ ba:** Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tờ bản đồ 105; thửa đất số 10; Diện tích 8107.9m², có tứ cận:

Phía Đông giáp lô đất của ông D có chiều dài 130.45m.

Phía Tây giáp lô đất của ông T có chiều dài 132.6m.

Phía Nam giáp đường đi có chiều dài 61.53m.

Phía Bắc giáp hẻm 125 đường T có chiều dài 61.84m

Lô đất có giá trị 800.000.000 đ.

- Về tài sản trên đất: Có giá trị là 276.364.000 đ.

+ 01 Giếng nước đường kính 1 m, sâu 24m

+ 800 cây cà phê Robusta , trong đó:

180 cây trồng năm 1998

313 cây trồng năm 2004

97 cây trồng năm 2009

100 cây trồng năm 2015

70 cây trồng năm 2016

40 cây trồng năm 2017

+ 25 cây bời lời trồng năm 2004 đã khai thác

+ 20 cây huỳnh đàn trồng năm 2016

+ 01 cây sầu riêng trồng năm 1995

Tổng giá trị tài sản lô đất và tài sản trên đất: **1.076.364.000 đồng** (tài sản này ông Nhận đang sử dụng).

- Ông N được thu hoạch quả cà phê vụ mùa năm 2016 -2017 trên lô đất thứ ba mà bà Minh được nhận.

- Ông N đồng ý hỗ trợ chia thêm trong khối tài sản chung cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian trả đủ số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào ngày 15/02/2018.

- Tài sản khác gồm:

+ 01 xe honda SH mode, mang tên bà M mua năm 2014, biển số 81B1-43857 có giá: 35.000.000 đồng (bà Minh đang sử dụng).

+ 01 bộ sập gỗ (bộ thứ nhất): $3,1m \times 1,6m = 4,96m^2$. Loại gỗ: sao xanh, có độ dày 10cm, gồm 2 tấm có giá: 15.000.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng).

+ 01 bộ sập gỗ (bộ thứ hai): $2,36m \times 1,75m = 4,13m^2$. Loại gỗ: gáo vàng, có độ dày 06cm, gồm 3 tấm có giá: 10.000.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng).

+ 01 máy bơm nước hiệu aplo mua năm 2007, có giá 750.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng).

+ 03 bát tưới cà phê mua năm 2014 có giá: 300.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng). Tổng giá trị các tài sản khác bà Minh nhận là 61.050.000 đồng.

- Về nợ chung bà M nhận trả nợ:

+ Trả nợ cho chị M 10.000.000đ (mười triệu đồng).

+ Trả nợ cho ông L, bà S (bố mẹ bà M) số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Tổng nợ chung bà M phải trả là: 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản gồm: đất, tài sản trên đất và tài sản khác bà M được nhận là: 1.137.414.000 đ.

*** Ông N được nhận những tài sản sau:**

- Về đất:

*** Lô thứ nhất:** Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại tổ Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tờ bản đồ 106; thửa đất 136; diện tích $4745.3m^2$, có tứ cận:

Phía Đông giáp đường đi có chiều dài 32.48m.

Phía Tây giáp đường đi có chiều dài 31.05m.

Phía Nam giáp đất ông T có chiều dài 149.84m.

Phía Bắc giáp đường hẻm 125 đường T có chiều dài 149.84m.

Lô đất có giá là 470.000.000 đ.

- Về tài sản trên đất: Có giá là 573.210.400 đ.

+ Trên đất hiện đang tồn tại một căn nhà 01 tầng có kết cấu: móng đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền gạch đá, cửa chính cửa sổ là cửa gỗ, có sân nô mặt trước, hệ thống điện nước sử dụng được có tổng diện tích $141m^2$

Sân nô mặt trước (trần bê tông cốt thép)

Mái hiện khung gỗ có diện tích $14m^2$

Trần đóng gỗ gáo có diện tích: $112m^2$ (gỗ nhóm IV)

+ Trên đất có 01 nhà tạm nền xi măng, tường xây gạch tô trát xi măng, mái lợp tôn fipro xi măng, có diện tích: $40.9m^2$

+ 01 nhà tắm độc lập tường xây gạch, ốp lát gạch men có diện tích $13,3m^2$

+ 01 Giếng nước đường kính 1 m, sâu 24 m

+ 01 tường rào xây gạch tô có tô trét và không vét vôi có diện tích $9 m^2$

+ Sân bê tông đá 1 x 2 dày 5 cm, diện tích: 354m²

+ 350 cây cà phê Robusta, trong đó:

Có 210 cây trồng năm 1996

Có 70 cây trồng năm 2016

Có 35 cây trồng năm 2017

Có 35 cây trồng năm 2001

+ 03 cây sầu riêng trồng năm 1995

+ 01 cây chôm chôm trồng năm 2011

Tổng giá trị tài sản lô đất và tài sản trên đất: **1.043.210.400 đ.**

*** Lô thứ hai:** Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tờ bản đồ 105; thửa đất số 05 ; Diện tích 8002.5m², có tứ cận:

Phía Đông giáp đường đi có chiều dài 128.32m.

Phía Tây giáp lô đất của ông T có chiều dài 128.41m.

Phía Nam giáp đường đi có chiều dài 60.48m.

Phía Bắc giáp đường hẻm 125 đường T có chiều dài 64.28m.

Lô đất có giá trị là: 800.000.000 đồng.

- Về tài sản trên đất: Có giá trị là 306.737.700 đ.

+ 01 Giếng nước đường kính 1 m, sâu 24m

+ 645 cây cà phê Robusta , trong đó:

300 cây trồng năm 1995

20 cây trồng năm 1996

20 cây trồng năm 1998

180 cây trồng năm 2004

35 cây trồng năm 2009

40 cây trồng năm 2016

50 cây trồng năm 2017

+ 330 trụ bê tông

+ 290 cây tiêu, trong đó:

80 cây trồng năm 2014

210 cây trồng năm 2015

+ 27 cây trắc trồng năm 2016

+ 03 cây huỳnh đàn trồng năm 2016

+ 07 cây huỳnh đàn trồng năm 2014

+ 04 cây bờ lờ trồng năm 2004 đã khai thác

+ 05 cây sầu riêng trồng năm 1995

Tổng giá trị tài sản lô đất và tài sản trên đất: **1.106.737.700 đồng.**

***Về tài sản khác:**

- 01 xe honda Warm, mang tên ông N, mua năm 2005, biển số 81H6 7026 có giá 1.800.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng)

- 01 máy giặt hiệu panasonis mua năm 2012 có giá 2.000.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng).

- 01 máy nóng lạnh năng lượng mặt trời có giá 2.500.000 đồng. (ông Nhẫn đang sử dụng).

- 01 tủ quần áo, loại gỗ: Cam xe: 1,1m x 0,5m = 0,55m² có giá 3.500.000

đồng (ông Nhẫn đang sử dụng)

- 01 tủ thờ, loại gỗ: Cam xe : $0,6m \times 1,6m = 0,96m^2$ có giá 6.000.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng)

+ 01 bộ sập gỗ (bộ thứ ba): $3,15m \times 1,6m = 5,04m^2$. Loại gỗ: sao xanh. có độ dày 08cm, gồm 2 tấm có giá 15.000.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng).

- 01 máy xay cà phê thủ công mua năm 2009 có giá 2.000.000 đồng (ông Nhẫn đang sử dụng).

- 01 máy bơm nước: máy hiệu Hải Phòng mua năm 2012, có giá 750.000 đồng. (ông Nhẫn đang sử dụng).

- 01 máy ba pha tưới cây cà phê hiệu HD mua năm 2007, ống phi 50 có giá: 1.500.000 đồng, (ông Nhẫn đang sử dụng).

- 04бет tưới cà phê mua năm 2014 có giá: 400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản khác ông N được nhận là: **35.450.000 đồng.**

*** Về nợ chung ông N nhận trả nợ:**

+ Trả nợ cho chị M 10.000.000đ (mười triệu đồng).

+ Trả nợ cho ông L, bà S (bố mẹ bà M) số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Tổng nợ chung ông N phải trả là: 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản gồm: đất, tài sản trên đất và tài sản khác ông N được nhận là: 2.185. 398.100 đ.

Tổng giá trị tài sản ông N được nhận là: 2.185.398.100 đ – nghĩa vụ phải trả nợ 148.000.000 đ = 2.037.398.100 đ là số tiền mà ông N phải chịu án phí.

Tổng giá trị tài sản bà M được nhận là: 1.137.414.000 đ + 50.000.000 đ (tài sản ông N trả bằng tiền) – nghĩa vụ phải trả nợ 148.000.000 đ = 1.039.414.000 đ là số tiền mà bà M phải chịu án phí.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà M và ông N có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). Ông N và bà M mỗi người phải chịu 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng). Ông N tự nguyện chịu thay án phí ly hôn cho bà M. Vậy ông N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

+ Bà M phải chịu án phí chia tài sản chung là 21.591.210 đồng (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi một ngàn hai trăm mười đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 27.795.000 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0002353 ngày 11/12/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trả lại cho bà M số tiền là 6.203.790 đồng (sáu triệu hai trăm lẻ ba ngàn bảy trăm chín mươi đồng).

+ Ông N phải chịu án phí chia tài sản chung là 36.373.981 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm tám một đồng). Tổng cộng ông N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung là 36.473.981 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm tám một đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0002201 ngày 02/11/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vậy ông N còn phải nộp số tiền án phí là 36.273.981 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm tám một đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai.
- VKSND TP. Pleiku.
- THADS TP. Pleiku.
- UBND xã Biển Hồ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai. (số 12, quyền số 83/1998).
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN